

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L V, TỈNH Đ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Ngô Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L V, tỉnh Đ T.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện L V, tỉnh Đ T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, “V/v ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị B B - Sinh năm: 1974. (có mặt)

HKTT: 149 A, Khóm 5, TT LV, huyện LV, tỉnh Đ T

2. *Bị đơn:* Phương V U- Sinh năm: 1978. (có mặt)

HKTT: 270B/3, ấp T M, xã V T, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị B B trình bày:

Năm 1996, Lê Thị B B và Phương V U quen nhau do mai mối và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2002 tại UBND xã V T, huyện L V, tỉnh Đ T; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh U thường hay tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo cho gia đình, thường hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần vợ chồng cãi vã, anh U nhiều lần chửi mắng và đánh đập chị B B, có lần đánh chị B B phải nằm viện, vợ chồng đã ly thân gần một năm nay, Lê Thị B B nhất quyết yêu cầu được ly hôn với . Về con chung vợ chồng có 02 con

chung tên Phương T B U, sinh ngày: 10/10/1997; Phương Lê D D, sinh ngày: 25/11/2002; 02 con đã trưởng thành Lê Thị B B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Lê Thị B B không yêu cầu giải quyết.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Phương V U trình bày:

Phương V U với Lê Thị B B quen biết nhau do mai mối và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2002 tại UBND xã Vĩnh Thới, huyện L V, tỉnh Đ T. Lời trình bày về mâu thuẫn của vợ chồng như trên của Lê Thị B B là có phần không đúng, do uống thuốc trị bệnh nên tinh thần không ổn định dẫn đến chửi mắng, đánh đập vợ, vợ chồng đã ly thân gần một năm nay, hiện tại anh U còn thương vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ, nên anh U không đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng có 02 con chung tên Phương T B U, sinh ngày: 10/10/1997; Phương Lê D D, sinh ngày: 25/11/2002; 02 con đã trưởng thành Phương V U không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung Phương V U không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lê Thị B B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa Lê Thị B B với A Phương Văn U, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện L V, tỉnh Đ T cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Lê Thị B B với Phương V U quen biết nhau và sống chung, có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh U có hành vi đánh vợ và vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay, Phương V U cho rằng do anh uống thuốc trị bệnh nên tinh thần không ổn định dẫn đến chửi mắng, đánh đập vợ, hiện tại anh còn thương vợ không muốn ly hôn nhưng gần một năm nay Phương V U không có biện pháp hay hành động để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Lê Thị B B vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với Phương V U không muốn vợ chồng đoàn tụ, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị B B với anh Phương V U là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên Lê Thị B B yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lê Thị B B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phương T B U, sinh ngày: 10/10/1997; Phương Lê D D, sinh ngày: 25/11/2002; 02 con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Lê Thị B B và Phương V U không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Lê Thị B B và Phương V U cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị B B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Lê Thị B B được ly hôn với A Phương Văn U.
2. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Lê Thị B B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Lê Thị B B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015861, ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T (Lê Thị B B đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2023).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Vĩnh Thới;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư